

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39** /2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 09 tháng 10 năm 2018;
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Mạnh Cường**;

2. Ông **Hà Ngọc Lĩnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P** - Sinh năm 1982 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Khu 6 xã Đ, huyện T, tỉnh P;

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T** - Sinh năm 1982 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: Khu 6 xã Đ, huyện T, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau ngày 28/10/2015, được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký tại trụ sở UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Khi đó chị và anh T đều làm ăn ở B. Trước khi kết hôn hai bên đã chung sống như vợ chồng và có một con chung. Sau khi kết hôn vợ chồng lại vào B làm ăn, tình cảm vợ chồng hòa thuận. Từ khoảng giữa năm 2016 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do anh T hay cờ bạc về đánh chửi vợ con. Do mâu thuẫn căng thẳng, từ tháng 6/2017 chị và con về quê, vợ chồng ly thân,

không quan tâm đến nhau. Đến nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Trần Phương V – Sinh ngày 09/9/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị xác định vợ chồng chị không có, không yêu cầu giải quyết.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Toà án đã giao hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn là anh Nguyễn Hữu T không đến Tòa án do bận đi làm ăn nên Toà án không thể hoà giải vụ án giữa chị Trần Thị P với anh Nguyễn Hữu T được. Tuy nhiên anh T có gửi cho Tòa án một bản trình bày và đề nghị xét xử vắng mặt anh. Nội dung bản trình bày của anh T là: Anh và chị Trần Thị P tự nguyện kết hôn năm 2015, đăng ký tại UBND xã Đ. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại B, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh và đã ly thân từ tháng 6/2017. Nay chị P xin ly hôn anh đồng ý. Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Trần Phương V sinh ngày 09/9/2010, khi ly hôn anh chị tự thỏa thuận. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Do điều kiện anh không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T mặc dù đã được Toà án giao hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa do đi làm ăn xa. Vì vậy, Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị P với anh Nguyễn Hữu T là hôn nhân hợp pháp, được đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Quá trình chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân theo chị P trình bày là do anh T cờ bạc về đánh chửi vợ con. Theo anh T vợ chồng sống không hạnh phúc sau khi cưới và có nhiều mâu thuẫn, nhưng không trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn. Chị P và anh T đều thống nhất vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2017 và đồng ý ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị P và anh Nguyễn Hữu T là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp

với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh T.

[3]. Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Nguyễn Trần Phương V – Sinh ngày 09/9/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị việc nuôi con do vợ chồng tự thỏa thuận.

Xét yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị P là hoàn toàn chính đáng. Tại phiên tòa hôm nay anh T không có mặt để trình bày quan điểm về việc nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, hiện nay cháu V đang ở với chị P, quan điểm của cháu V cũng xin được ở với chị P. Để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị xáo trộn, có đủ điều kiện để phát triển cả về thể chất và tinh thần nên giao cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở phù hợp thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra, do chị P không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình và đất nông nghiệp: Chị Trần Thị P không đề nghị tòa án giải quyết; Anh T vắng mặt nên không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này, sẽ giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho chị **Trần Thị P** được ly hôn anh **Nguyễn Hữu T**.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Phương V – Sinh ngày 09/9/2010. Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Không đề cập giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu đương sự có đơn yêu cầu.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị P đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0004221 ngày 06/7/2018.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND xã Đ.
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh